TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 / 9 / 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Văn Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 643/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà H và ông D kết hôn vào năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà H, ông D có sinh 02 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 06/01/1997 và Lê Văn T, sinh ngày 08/11/1998; không có tài sản chung, nợ chung.

Sau 05 năm chung sống, bà H, ông D thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ năm 2000 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông D; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: giấy khai sinh Lê Văn T (bản sao); giấy khai sinh Lê Văn H (bản sao).

Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn D thống nhất với trình bày của bà H về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Sau 05 năm chung sống, ông D, bà H thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ năm 2000 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông D đồng ý ly hôn với bà H; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung do con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ông D không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án

Tại phiên tòa:

- Bà H, ông D trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H, ông D chung sống với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vì vậy, đề nghị không công nhận bà H và ông D là vợ chồng theo Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn D. Đồng thời, ông D cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị H trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà H và ông D kết hôn vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 15/8/2019, Cán bộ tư pháp xã Đ, huyện Chợ Mới cung cấp, từ năm 1995 đến nay, bà H, ông D không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét, bà H và ông D chung sống với nhau vào năm 1995. Mặc dù, có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà H, ông D không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà H và ông D là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông D thống nhất có sinh 02 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 06/01/1997 và Lê Văn T, sinh ngày 08/11/1998. Do các con chung đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà H, ông D không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H, ông D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị H và ông Lê Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên Lê Văn H, sinh ngày 06/01/1997 và Lê Văn T, sinh ngày 08/11/1998, đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đề cập giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013340 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 7 năm 2019; bà Võ Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Võ Thị H, ông Lê Văn D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình